

BAN TỔ CHỨC - CÁN  
BỘ CHÍNH PHỦ-BỘ TÀI  
CHÍNH  
Số: 1-TT/LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 1993

## THÔNG TƯ

### LIÊN BỘ BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ CHÍNH PHỦ - TÀI CHÍNH

*Hướng dẫn thực hiện quyết định số 57/TTg ngày 15/2/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho cán bộ xã miền núi và xã có khó khăn*

Thi hành Quyết định số 57/TTg ngày 15-2-1993 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp cho cán bộ xã miền núi và xã có khó khăn, liên Bộ Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Để giảm bớt một phần khó khăn về đời sống của cán bộ xã, Quyết định số 57/TTg ngày 15-2-1993 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức trợ cấp thêm hàng tháng cho cán bộ xã thuộc miền núi và những xã thực sự khó khăn mà từ trước đến nay mức sinh hoạt phí đã được cấp ở mức quá thấp.
- Việc quy định trợ cấp thêm cho 16 cán bộ đang công tác Đảng, đoàn thể, chính quyền xã miền núi và xã có khó khăn là nhằm kiện toàn chính quyền cấp xã ngày một vững mạnh và hoạt động có hiệu quả, Ủy ban nhân dân các địa phương cần chủ động chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy chính quyền xã gọn nhẹ, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước ở cơ sở. Tuyệt đối không lấy khoản trợ cấp thêm để chia đều cho số cán bộ xã hiện có, ngành tài chính chỉ trợ cấp thêm cho từng cán bộ theo tên và chức danh cụ thể nhưng không quá 16 người.

#### II. ĐIỀU KIỆN CÁC XÃ, CÁC ĐỐI TƯỢNG

##### ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP VÀ MỨC TRỢ CẤP THÊM

- Những xã được xác định xem xét trợ cấp thêm cho cán bộ xã theo Quyết định số 57/TTg phải là những xã:

- Những xã vùng cao biên giới chưa thực hiện Quyết định số 72-HĐBT ngày 13-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
  - Những xã vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long có nhiều khó khăn.
  - Những xã miền núi, trung du, đồng bằng quá nghèo và đã khai thác hết các nguồn thu giao cho xã nhưng không đủ nguồn chi trả phụ cấp sinh hoạt phí bình quân chung cho 16 cán bộ xã đang làm việc dưới 40.000đ/tháng (tổng số kinh phí sinh hoạt phí trong ngân sách xã thực hiện trong năm 1992 chia cho 16 người, chia cho 12 tháng nhỏ hơn 40.000đ).
2. Những cán bộ được hưởng trợ cấp thêm theo Quyết định số 57-TTg không được trợ cấp bất cứ một khoản nào khác kể cả số tiền trợ cấp của địa phương.
3. Mức trợ cấp thêm hàng tháng:
- a) Đối với cán bộ xã đương chức:
- Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã mức tối đa 60.000 đ/tháng đảm bảo mức sinh hoạt phí hiện đang hưởng cộng với trợ cấp thêm không quá 100.000đ/tháng.
  - Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, xã đội trưởng mức trợ cấp thêm tối đa 50.000đ/tháng đảm bảo mức sinh hoạt phí hiện đang hưởng cộng với trợ cấp thêm không quá 85.000 đ/tháng.
  - Đối với các chức danh khác mức trợ cấp thêm tối đa 40.000đ/tháng, đảm bảo mức sinh hoạt phí hiện đang hưởng cộng với trợ cấp thêm không quá 70.000đ/tháng.
- b) Đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc:
- Những cán bộ công tác tại xã trước đây được giải quyết nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20-6-1975 và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 của Hội đồng Bộ trưởng được hưởng trợ cấp thêm cụ thể như sau:
- Bí thư, Phó bí thư Đảng uỷ xã, Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được hưởng mức chênh lệch 30.000đ/tháng trừ đi mức phụ cấp hiện được hưởng hàng tháng.
  - Các chức danh khác được hưởng mức chênh lệch 20.000đ/tháng trừ đi mức phụ cấp hiện được hưởng hàng tháng.
- c) Xã nào đã trả mức phụ cấp sinh hoạt phí và mức phụ cấp quy định bằng mức tối đa nói trên không được tính trợ cấp thêm.

### III. NGUỒN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC CHI